

Bản án số: 156/2023/HS-ST
Ngày 31-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Thẩm phán: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Phạm Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Đức Mạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Lưu Văn T, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1990 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số D Hồ N, phường S, quận H, Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên tư vấn bán hàng Công ty V2; con ông Lưu Văn G và con bà Bùi Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam từ ngày 15/9/2022; có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Đào Thị Nhật M, sinh năm 1993, trú tại: S3 B, chung cư V, phường P, quận L, Hà Nội; có mặt

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983, trú tại: Số A Chợ L, phường Đ, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh Đặng Quốc Q, sinh năm 1987, trú tại: Số E đường N, phường Đ, quận L, Hà Nội; có mặt

4. Anh Đỗ Xuân V, sinh năm 1980, trú tại: Số F N, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1977, trú tại: Số B đường H, P, Đ, H, Hải Phòng; vắng mặt.

6. Anh Trần Đại Đ, sinh năm 1984, trú tại: Số B T, tổ A, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

7. Anh Lê Tất T1, sinh năm 1982, trú tại: Tổ F, khu B, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

8. Anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1994, trú tại: Số A T, phường N, L, Hải Phòng; có mặt,

9. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984, trú tại: Số F đường T, Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

10. Anh Bùi Văn H1, sinh năm 1992, trú tại: Tòa S, huyện G, thành phố Hà Nội; có mặt.

11. Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1992, trú tại: Số E tổ A, xóm T, V, phường Đ, quận N, Hải Phòng; vắng mặt.

12. Chị Đỗ Thị Hương G1, sinh năm 1984, trú tại: Số G C, phường T, H, Hải Phòng; có mặt.

13. Anh Nguyễn Phú D, sinh năm 1982, trú tại: Thôn Y, xã D, K, Hưng Yên; có mặt.

14. Chị Lê Thị T3, sinh năm 1980, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

15. Ông Nguyễn Phú T4, sinh năm 1965, trú tại: Số H đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

16. Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1988, trú tại: Tổ A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần V3; địa chỉ trụ sở chính: Số H L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền là ông Triệu Anh T5 – chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 7863/2023/UQ-VPB ngày 28/7/2023), có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân T6, Luật sư Văn phòng L1 thuộc đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Văn T là nhân viên tư vấn bán hàng của Công ty TNHH V2 (viết tắt Công ty V2) thuộc Tập đoàn V4 và làm việc tại Showroom V, Hà Nội từ năm 2018. Từ tháng 02/2022, T chuyển về làm tại S, phường T, Hồ N, Hải Phòng. Trong thời gian này, Lưu Văn T chơi đánh bạc trực tuyến trên trang <http://W88.com> (W88) bị thua nhiều nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của những người tham gia mua Voucher của công ty để được giảm giá khi mua xe ô tô. Lợi dụng là nhân viên tư vấn bán hàng nên T đã môi giới cho nhiều khách hàng mua Voucher giảm giá và sau khi nhận được tiền T đã sử dụng để đánh bạc và chi tiêu cá nhân hết. Đồng thời, lợi dụng việc số lượng khách hàng mua xe ô tô nhãn hiệu Vinfast quá đông, công ty không đủ xe giao cho khách hàng mà nhiều người muốn lấy được xe nhanh và hưởng nhiều ưu đãi nên T đã đề nghị khách hàng giao dịch trực tiếp với T. Ngoài ra, T còn đưa ra thông tin bản thân là nhân viên bán hàng, quản lý nhiều khách hàng đã đặt cọc xe nên có khả năng mua lại được cọc cho khách hàng có nhu cầu. Bằng thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2022, T đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 8.492.370.000 đồng của 16 bị hại, cụ thể như sau:

1. Tháng 7/2021, chị Đào Thị Nhật M, sinh năm 1993, trú tại: S3 B, chung cư V, phường P, L, Hà Nội đến Showroom Vinfast L đặt cọc 50.000.000 đồng để mua xe ô tô Vinfast VFe34. Đến tháng 5/2022, T liên lạc với chị M thông báo sắp giao xe và đề nghị chị M ủy quyền cho T lấy xe. Để làm tin, T làm một giấy ủy quyền giữa T và chị M với nội dung ủy quyền cho T thanh toán 445.000.000 đồng tiền mua xe cho Công ty V2. Do tin tưởng, chị M đã chuyển vào tài khoản của T số tiền 445.000.000 đồng, T đã sử dụng để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc trên W88 và chi tiêu cá nhân hết.

2. Tháng 6/2022, anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983, trú tại: Số A Chợ L, phường Đ, quận H, Hải Phòng liên hệ với T để đặt mua 01 xe ô tô Vinfast VFe34. T bảo anh C mua lại cọc từ một khách hàng khác đã đặt cọc nhưng không lấy xe và tư vấn mua Voucher giảm giá, anh C đồng ý. T yêu cầu anh C chuyển 95.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Đức C1, sinh năm 1990, trú tại: Số I Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (là bạn của T) để anh C1 tin đây là khách hàng bỏ cọc. Sau đó, T bảo Nguyễn Đức C1 chuyển lại số tiền trên vào tài khoản của T.

3. Tháng 6/2022, anh Đặng Quốc Q, sinh năm 1987, trú tại: Số E đường N, phường Đ, L, Hà Nội liên hệ với T đặt mua 01 xe ô tô Vinfast Lux A 2.0. T đồng ý và đề nghị mua hộ anh Q 03 Voucher giảm giá. Anh Q tin tưởng và chuyển vào tài khoản cá nhân của T tổng số tiền 625.500.000 đồng.

4. Tháng 6/2022, anh Đỗ Xuân V, sinh năm 1980, trú tại: Số F N, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên để lại thông tin đặt mua xe ô tô trên Fanpage của Công ty V2. T đã trực tiếp liên hệ với anh V và đến nhà ký hợp đồng mua bán xe 01 ô tô Vinfast Lux A 2.0 với giá 881.000.000 đồng. T hướng dẫn anh V chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty để đặt cọc. Sau đó, T đề nghị mua giúp anh V 03 Voucher giảm giá. Anh V tin tưởng và chuyển vào tài khoản cá nhân của T tổng số tiền 558.000.000 đồng.

5. Đầu tháng 7/2022, anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1977, trú tại: Số B đường H, P, Đ, H, Hải Phòng liên hệ với T để mua 01 xe ô tô Vinfast Lux A 2.0. Sau khi làm hợp đồng, anh P chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty V2 để đặt cọc. Sau đó, T bảo anh P là Công ty không đủ xe giao cho khách hàng nên đang hoàn lại cọc cho khách hàng, nếu muốn mua xe thì giao dịch trực tiếp với T. Theo yêu cầu của T, anh P đã chuyển vào tài khoản của T tổng số tiền 732.500.000 đồng.

6. Đầu tháng 7/2022, anh Trần Đại Đ, sinh năm 1984, trú tại: Số B, tổ A, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu liên hệ với T đặt mua 01 xe ô tô Vinfast Lux A 2.0. T bảo anh Đ chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty V2 để đặt cọc. Sau đó, T hướng dẫn anh Đ đặt mua 03 Voucher giảm giá với giá 225.000.000 đồng. Anh Đ đã chuyển vào tài khoản của T tổng số tiền 704.000.000 đồng để thanh toán cả tiền V1 và tiền mua xe ô tô.

7. Đầu tháng 7/2022, anh Lê Tất T1, sinh năm 1982, trú tại: Tổ F, khu B, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh liên hệ với T để mua 01 xe ô tô Vinfast Lux A 2.0. T đã hướng dẫn anh T1 chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty V2 để đặt cọc. Sau đó, T tư vấn cho anh T1 mua xe theo hình thức sử dụng Voucher để được giảm giá và đề nghị anh T1 chuyển tiền đặt mua Voucher. Anh T1 tin tưởng và chuyển vào tài khoản cá nhân của T số tiền 231.000.000 đồng.

8. Đầu tháng 7/2022, anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1994, trú tại: Số A T, phường N, L, Hải Phòng đến S để đặt mua 01 xe ô tô Vinfast Lux A 2.0. Thái chủ động tiếp cận, đề nghị anh Đ1 rút cọc, hủy hợp đồng với Công ty V2 để giao dịch trực tiếp với T và tư vấn cho anh Đ1 mua Voucher giảm giá, anh Đ1 đồng ý. Anh Đ1 đã tin tưởng chuyển vào tài khoản của T tổng số tiền 735.000.000 đồng để đặt mua V1 và thanh toán tiền mua xe.

9. Đầu tháng 7/2022, anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984, trú tại: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu liên hệ với T thỏa thuận mua 01 xe ô tô Vinfast Lux A 2.0 với giá 881.000.000 đồng. T đề nghị anh T2 đặt mua Voucher để được giảm giá. Tổng số tiền anh T2 đã chuyển vào tài khoản của T là 690.700.000 đồng.

10. Tháng 7/2022, anh Bùi Văn H1, sinh năm 1992, trú tại: Tòa S, huyện G, thành phố Hà Nội liên hệ với T đặt mua 01 xe ô tô Vinfast Lux A 2.0. T bảo anh H1 hiện Công ty không đủ xe giao cho khách hàng nên sẽ giúp anh H1 mua lại cọc của những khách hàng đã đặt cọc trước đó nhưng không lấy xe và giúp anh H1 mua Voucher giảm giá. Anh H1 tin tưởng và chuyển vào tài khoản cá nhân của T tổng số tiền 720.000.000 đồng.

11. Tháng 7/2022, anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1992, trú tại: xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương liên hệ nhờ T mua lại hợp đồng đặt cọc xe ô tô Vinfast VFe34. Mặc dù không có hợp đồng nào nhưng T vẫn báo là có hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng. T yêu cầu anh Q1 chuyển số tiền 87.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994, trú tại: số H L, M, B, Hà Nội (nhân viên Công ty V2). Sau đó, T bảo N chuyển lại số tiền trên vào tài khoản của T để sử dụng. Để anh Q1 tin tưởng, T còn lập 01 hợp đồng chuyển nhượng đặt cọc xe và bảo anh Q1 đến S ký.

12. Tháng 7/2022, chị Đỗ Thị Hương G1, sinh năm 1984, trú tại: Số G C, phường T, H, Hải Phòng đến S để đặt mua 01 xe ô tô Vinfast VFe34 và đặt cọc 50.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty. Sau đó, T chủ động liên hệ với chị G1 và bảo chị Giang T7 sẽ bán cho chị G1 01 xe ô tô Vinfast VFe34 và yêu cầu chị G1 ký hợp đồng trực tiếp với T7. Chị G1 tin tưởng nên đã đồng ý và chuyển vào tài khoản của T7 tổng số tiền 445.000.000 đồng.

13. Tháng 7/2022, anh Nguyễn Phú D, sinh năm 1982, trú tại: thôn Y, xã D, K, Hưng Yên có quen biết với T7 nên anh D liên hệ để mua 04 xe ô tô Vinfast. T7 bảo anh D mua lại cọc của những người khác và chuyển tiền vào tài khoản của T7. Anh D tin tưởng đồng ý và chuyển vào tài khoản của T7 tổng số tiền 1.502.000.000 đồng để đặt cọc và mua Voucher giảm giá.

14. Tháng 7/2022, chị Lê Thị T3, sinh năm 1980, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đến S để đặt mua 01 xe ô tô Vinfast Lux A 2.0. T7 hướng dẫn chị T3 ký hợp đồng và chuyển 50.000.000 đồng tiền đặt cọc vào tài khoản Công ty V2. Lúc này, T7 đề nghị giúp chị T3 mua Voucher giảm giá, chị T3 đồng ý. Sau đó, chị T3 tin tưởng và chuyển vào tài khoản của T7 tổng số tiền 361.430.000 đồng gồm tiền mua Voucher, thủ tục đăng ký xe và đóng các loại thuế phí theo yêu cầu của T7.

15. Tháng 7/2022, ông Nguyễn Phú T4, sinh năm 1965, trú tại: Số H đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên liên hệ với T7 để mua 01 xe ô tô Vinfast Lux A 2.0. Sau khi giao xe, T7 đề nghị giúp ông T4 làm thủ tục đăng ký xe và nộp thuế trước bạ, ông T4 đồng ý. Sau đó, ông T4 chuyển vào tài khoản của T7 số tiền 190.240.000 đồng. T7 nhận tiền nhưng không làm thủ tục cho ông T4 mà sử dụng tiền của ông T4 để thanh toán tiền xe cho khách hàng khác.

16. Tháng 8/2022, anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1988, trú tại: Tổ A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh liên hệ với T7 đặt mua 01 xe ô tô Vinfast Fadil với giá 370.000.000 đồng. T7 yêu cầu anh Đức A chuyển toàn bộ 370.000.000 đồng tiền mua xe vào tài khoản cá nhân của T7.

Tổng số tiền Lưu Văn T chiếm đoạt được của 16 bị hại là 8.492.370.000 đồng, T dùng để đánh bạc và chi tiêu vào mục đích cá nhân hết.

Xác minh tại Công ty V2, Lưu Văn T không nộp tiền mua xe cho 16 bị hại trên vào tài khoản của Công ty V2.

Ngày 14/9/2022, Lưu Văn T đến Phòng C3 Công an thành phố H đầu thú.

Đối với yêu cầu của Công ty V2 về việc xử lý Lưu Văn T về hành vi nhận tiền nhưng không trả tiền mua xe cho khách và tự ý hạch toán cho khách hàng khác dẫn đến Công ty V2 bị thiệt hại số tiền 1.270.270.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành thụ lý phân công kiểm tra, xác minh theo trình tự giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Đối với việc bị can khai nhận tham gia đánh bạc trên trang mạng <http://W88.com> hiện chưa ghi được lời khai của những chủ tài khoản bị can chuyển tiền đến để nạp vào tài khoản đánh bạc, chưa xác định được hình thức đánh bạc nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị N, Nguyễn Đức C1 và Trần Công C2, sinh năm 1993, trú tại: D, Ngọc T8, K, Hưng Yên được T nhờ nhận và chuyển tiền trong một số giao dịch nhưng không biết đây là tiền do T phạm tội mà có và không được hưởng lợi từ việc này nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại Cáo trạng số 135/CT-VKS ngày 31/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố Lưu Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Lưu văn T9 20 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lưu văn T9 phải bồi thường cho các bị hại số tiền là 8.492.370.000 đồng đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đã qua sử dụng; Tiếp tục tạm giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil màu trắng, biển số 15A-664.01.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T9 là ông Nguyễn Xuân T6 nhất trí về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù thấp hơn so với mức hình phạt mà kiểm sát viên đề xuất để bị cáo sớm trở lại với xã hội.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện, Công ty TNHH V2 yêu cầu xử lý Lưu Văn T về hành vi nhận tiền nhưng không trả tiền mua xe cho khách và tự ý hạch toán cho khách hàng khác dẫn đến Công ty V2 bị thiệt hại số tiền 1.270.270.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, giải quyết theo trình tự giải quyết nguồn tin về tội phạm trong một vụ án khác. Do đó, căn cứ theo Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Công ty TNHH V2 không còn là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định: Từ tháng 5/2022 đến 8/2022, Lưu Văn T đã có hành vi gian dối, làm cho khách hàng có nhu cầu mua xe ô tô Vinfast tin tưởng và chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của T. T đã chiếm đoạt được của 16 người bị hại với tổng số tiền là 8.492.370.000 đồng sử dụng để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc trên mạng và chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của bị cáo Lưu Văn T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng; xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây dư luận xấu trong nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử nghiêm khắc là cần thiết.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo “thành khẩn khai báo” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính đối với bị cáo: Bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Lần phạm tội này bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền bị cáo chiếm đoạt là rất lớn, hiện tại chưa thu hồi trả lại cho bị hại được. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt cao nhất của hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo như đề xuất của kiểm sát viên mới tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện: Bị cáo đã chiếm đoạt của 16 bị hại với tổng số tiền là 8.492.370.000. Quá trình chuẩn bị xét xử, bị hại là anh Nguyễn Văn C có ý kiến không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 95.000.000 đồng; các bị hại còn lại yêu cầu bị cáo T phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Xét, yêu cầu của bị hại là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo Lưu Văn T phải bồi thường cho chị Đào Thị Nhật M số tiền 445.000.000 đồng; anh Đặng Quốc Q số tiền 625.500.000 đồng; anh Đỗ Xuân V số tiền 558.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn P số tiền 732.500.000 đồng; anh Trần Đại Đ số tiền 704.000.000 đồng; anh Lê Tất T1 số tiền 231.000.000 đồng; anh Phạm Văn Đ1 số tiền 735.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T2 số tiền 690.700.000 đồng; anh Bùi Văn H1 số tiền 720.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Q1 số tiền 87.000.000; chị Đỗ Thị Hương G1 số tiền 445.000.000 đồng; anh Nguyễn Phú D số tiền 1.502.000.000 đồng; chị Lê Thị T3 số tiền 361.430.000 đồng; ông Nguyễn Phú T4 số tiền 190.240.000 đồng; anh Nguyễn Đức A số tiền 370.000.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đã qua sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên

cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil màu trắng, biển số 15A-664.01 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Lưu Văn T 20 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 587 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lưu Văn T phải bồi thường cho chị Đào Thị Nhật M số tiền 445.000.000 đồng; anh Đặng Quốc Q số tiền 625.500.000 đồng; anh Đỗ Xuân V số tiền 558.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn P số tiền 732.500.000 đồng; anh Trần Đại Đ số tiền 704.000.000 đồng; anh Lê Tất T1 số tiền 231.000.000 đồng; anh Phạm Văn Đ1 số tiền 735.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T2 số tiền 690.700.000 đồng; anh Bùi Văn H1 số tiền 720.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Q1 số tiền 87.000.000; chị Đỗ Thị Hương G1 số tiền 445.000.000 đồng; anh Nguyễn Phú D số tiền 1.502.000.000 đồng; chị Lê Thị T3 số tiền 361.430.000 đồng; ông Nguyễn Phú T4 số tiền 190.240.000 đồng; anh Nguyễn Đức A số tiền 370.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu trắng đã qua sử dụng, số Imei: 866882051979551, số I: 866882051979544.

Tiếp tục tạm giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Fadil sơn màu trắng, biển số 15A-664.01 đã qua sử dụng; số khung RPXCA2FACLV010998, số máy LV*7*203010089*.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/6/2023 của cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Lưu Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 116.397.370 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Phòng KTNV và THA;
- UBND xã (nơi BC cư trú);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hà

